

Bản án số: **454/2021/KDTM-PT**

Ngày: 12/5/2021

V/v “Tranh chấp phát sinh trong
hoạt động kinh doanh ...”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Công Toại;**

Các Thẩm phán: **Bà Lưu Thị Đoàn Trang;
Bà Vũ Thị Hường.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Thu Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thanh Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1542/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng AC;

Địa chỉ: Số 442 Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thùy D, sinh năm 1989
(Giấy ủy quyền số 114, 115/UQ-QLN.20 cùng ngày 19/02/2020)

Địa chỉ liên lạc: 444A-446 Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty D;

Địa chỉ: Số 109 xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Kim O; CMND số 021599697 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2014;

Địa chỉ: Số 227 Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công ty H;

Địa chỉ: Số 109 xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Kim O; CMND số 021599697 do Công an TP.HCM cấp ngày 11/12/2014;

Địa chỉ: Số 227 Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Lưu Văn P; Căn cước công dân số 030087011361 do Cục Cảnh sát cấp ngày 10/3/2020 (Giấy ủy quyền số 01-04/UQ ngày 01/4/2021);

Địa chỉ liên hệ: 117/2 xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Việt Nam;

Địa chỉ: Số 20A phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2. Công ty An Phú;

Địa chỉ: Số 477/3 Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.3. Bà Phạm Thị Kim O; CMND số 021599697 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2014;

Địa chỉ: Số 227 Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 92 Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng đại diện hợp pháp của Công ty Việt Nam và Công ty An Phú vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng AC trình bày:

I. Ngân hàng AC và Công ty D đã ký các Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng và Phụ lục hợp đồng như sau: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số CUC.DN.01200308 ngày 01/4/2008; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số CUC.DN.01110509 ngày 19/5/2009; Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số CUC.DN.01110810 ngày 13/8/2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.DN.01200308/SĐBS-01 ngày 04/8/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.DN.01110509/SĐBS-01 ngày 04/8/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.DN.01110810/SĐBS-01 ngày 04/8/2015; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CUC.DN. 188.050615 ngày 05/6/2015; Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số CUC.DN.748.290716 ngày 04/8/2016; trong đó: Tổng hạn mức cấp tín dụng là 300.000 USD và 57.844.000.000 đồng.

1. Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.363.290716 ngày 04/8/2016: Số tiền cho vay: 40.000.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Đầu tư mở rộng nhà xưởng và dây chuyền sản xuất sữa và các sản phẩm dinh dưỡng; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: 84 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín

dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng AC đã giải ngân cho Công ty D theo phương thức chuyển số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 33633499 của Công ty D tại Ngân hàng AC bằng 25 Khế ước nhận nợ số: 221098739 ngày 05/8/2016; 221422229 ngày 11/8/2016; 222630189 ngày 01/9/2016; 223953549 ngày 26/9/2016; 225844639 ngày 27/10/2016; 225901069 ngày 28/10/2016; 226122339 ngày 01/11/2016; 226574109 ngày 09/11/2016; 227462499 ngày 24/11/2016; 229109179 ngày 23/12/2016; 229418389 ngày 29/12/2016; 234875079 ngày 27/3/2017; 235523719 ngày 05/4/2017; 236614509 ngày 21/4/2017; 242683369 ngày 25/7/2017; 242813609 ngày 27/7/2017; 243152739 ngày 02/8/2017; 243276579 ngày 03/8/2017; 243339169 ngày 04/8/2017; 244526369 ngày 23/8/2017; 244638219 ngày 24/8/2017; 244960809 ngày 29/8/2017; 248086959 ngày 17/10/2017; 248180499 ngày 18/10/2017; 248742399 ngày 27/10/2017.

2. Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.364.290716 ngày 04/8/2016: Số tiền cho vay: 30.000.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Tái cấu trúc tình hình tài chính của bên được cấp tín dụng; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn giải ngân: 180 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Thời hạn cho vay: 84 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất trong hạn được quy định trong từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng AC đã giải ngân cho Công ty D theo phương thức chuyển số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 33633499 của Công ty D tại Ngân hàng AC bằng 48 Khế ước nhận nợ số: 221219559 ngày 08/8/2016; 221429119 ngày 11/8/2016; 221477559 ngày 12/8/2016; 221733959 ngày 17/8/2016; 222525989 ngày 31/8/2016; 222619139 ngày 01/9/2016; 222717469 ngày 05/9/2016; 222881869 ngày 07/9/2016; 223132719 ngày 12/9/2016; 223156299 ngày 12/9/2016; 223301349 ngày 14/9/2016; 223447979 ngày 16/9/2016; 223551899 ngày 19/9/2016; 223703919 ngày 21/9/2016; 223779219 ngày 22/9/2016; 223848589 ngày 23/9/2016; 224104369 ngày 28/9/2016; 224152639 ngày 29/9/2016; 224357889 ngày 03/10/2016; 224450599 ngày 04/10/2016; 224599829 ngày 06/10/2016; 225110749 ngày 14/10/2016; 225619879 ngày 24/10/2016; 225900029 ngày 28/10/2016; 226026249 ngày 31/10/2016; 226102939 ngày 01/11/2016; 226238489 ngày 03/11/2016; 226658999 ngày 10/11/2016; 226729499 ngày 11/11/2016; 226991939 ngày 16/11/2016; 227319359 ngày 22/11/2016; 227463839 ngày 24/11/2016; 227866289 ngày 01/12/2016; 228045079 ngày 05/12/2016; 228134899 ngày 06/12/2016; 228211689 ngày 07/12/2016; 228450859 ngày 12/12/2016; 228659799 ngày 15/12/2016; 229370539 ngày 28/12/2016; 229448249 ngày 29/12/2016; 229499989 ngày 30/12/2016; 229808909 ngày 05/01/2017; 229905789 ngày 06/01/2017; 230037869 ngày 09/01/2017; 230145299 ngày 10/01/2017; 230255569 ngày 12/01/2017; 230463169 ngày 16/01/2017; 230593339 ngày 17/01/2017.

3. Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.297.200618 ngày 30/6/2018: Số tiền cho vay: 31.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân; Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngân hàng AC đã giải ngân cho Công ty D theo phương thức chuyển số tiền vào tài khoản thanh toán số 33633499 của Công ty D tại Ngân hàng AC bằng 21 Khế ước nhận nợ số: 273353979 ngày 28/11/2018 (1); 273639319 ngày 03/12/2018 (2); 274304509 ngày 13/12/2018 (3); 274372049 ngày 14/12/2018 (4); 274595189 ngày 18/12/2018 (5); 274657999 ngày 19/12/2018 (6); 274738949 ngày 20/12/2018 (7); 274971069 ngày 24/12/2018 (8); 275043099 ngày 25/12/2018 (9); 275105649 ngày 26/12/2018 (10); 275638189 ngày 04/01/2019 (11); 276040189 ngày 10/01/2019 (12); 276250389 ngày 14/01/2019 (13); 276718329 ngày 21/01/2019 (14); 278542939 ngày 19/02/2019 (15); 278698899 ngày 21/02/2019 (16); 278840369 ngày 23/02/2019 (17); 280899929 ngày 27/3/2019 (18); 281025339 ngày 29/3/2019 (19); 283161929 ngày 03/5/2019 (20); 283216739 ngày 04/5/2019 (21).

Tính đến ngày 16/10/2019, khoản vay theo các Khế ước nhận nợ có thứ tự từ (1) đến (13) lần lượt đáo hạn (kết thúc thời hạn cho vay) nhưng Công ty D không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng AC. Do đó, kể từ ngày kế tiếp của ngày đáo hạn, Ngân hàng AC đã chuyển toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của các khế ước nhận nợ này sang nợ quá hạn.

Ngoài ra, do Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/10/2019, Ngân hàng AC ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của các Khế ước nhận nợ có thứ tự từ (14) đến (21).

4. Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.396.130719 ngày 16/7/2019; Phụ lục hợp đồng số CUC.DN.396.130719/PL-01 ngày 16/7/2019: Số tiền cho vay 33.000.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn vay: Được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 09 (chín) tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân; Lãi suất vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngân hàng AC đã giải ngân cho Công ty D theo phương thức chuyển số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 33633499 của Công ty D tại Ngân hàng AC bằng 02 Khế ước nhận nợ số: 288134719 ngày 17/7/2019 và 288215129 ngày 18/7/2019.

Do Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/10/2019, Ngân hàng AC ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của tất cả các khế ước nhận nợ nêu trên.

5. Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.445.130719 ngày 16/8/2019: Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn: 9,2%/năm. Lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh theo quy định hoặc thông báo của Ngân hàng AC trong toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng.

Do Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/10/2019, Ngân hàng AC đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của hợp đồng cấp tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 19/01/2021, tổng dư nợ phát sinh theo tất cả các Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên của Công ty D tại Ngân hàng AC là:

- Vốn gốc: 73.883.565.358 đồng;
- Lãi trong hạn: 12.378.188.790 đồng;
- Lãi quá hạn: 4.909.944.609 đồng;
- Phạt chậm trả lãi: 502.512.711 đồng;
- Lãi quá hạn của từng kỳ nợ gốc không trả đúng hạn: 25.540.306 đồng;

Tổng cộng: 91.699.751.773 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản nợ nêu trên, Công ty D đã thế chấp cho Ngân hàng AC các tài sản như sau:

6. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ của Công ty D bao gồm:

6.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 135 tờ bản đồ số 46 bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (tài liệu năm 2001), địa chỉ: Ấp 5, tỉnh lộ 9, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 169/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/7/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 601242, số vào sổ cấp GCN: CT33516 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/4/2014; Giấy phép xây dựng số 1384/GPXD do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 13/6/2016. Thực hiện theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số CUC.BĐDN.353.210915 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/9/2015, số công chứng 013593, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/2015, quyền số 58, số đăng ký 41-2015-011560, số thứ tự ghi sổ 11560.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.353.210915/SĐBS-01 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/8/2016, số công chứng 009907, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/8/2016, quyền số 52, số đăng ký 41-2016-010265, số thứ tự ghi sổ 010265.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.353.210915/SĐBS-02 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/12/2016, số công chứng 015899, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.353.210915/SĐBS-03 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/4/2017, số công chứng 004418, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

6.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 551, tờ bản đồ số 18, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00006/1a QSDĐ/659/TNMT do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2004; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 238/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2009 thực hiện theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CUC.BĐDN.354. 210915 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/9/2015, số công chứng 013594, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/9/2015, quyền số 56, số đăng ký 41-2015-011179, số thứ tự ghi sổ 11179.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.354.210915/SĐBS-01 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/4/2016, số công chứng 005258, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.354.210915/SĐBS-02 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/4/2017, số công chứng 004419, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

6.3. Hệ thống thông gió và điều hòa không khí cho công trình nhà xưởng H; Hệ thống trần, vách ngăn phòng sạch bằng Panel ÉP và PU; Hệ thống máy đóng gói cà phê stick và máy đóng gói cà phê sachet, máy in date; Hệ thống phối trộn và đóng gói; Hệ thống dây chuyền rót bột tự động, thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Hợp đồng kinh tế số HĐ01-09/VD16 ngày 12/9/2016; Hợp đồng kinh tế số HĐ04-09/VD16 ngày 12/9/2016; Hợp đồng kinh tế số 01-09/16 (AP-HANCO) ngày 16/9/2016; Hợp đồng số 124/2015/HĐ ngày 20/9/2016; Hợp đồng mua bán số 16HBVN-225040 ngày 19/9/2016.

Thực hiện theo các hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.182.181016 ngày 28/10/2016; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/10/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 1229244825.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.182.181016/SĐBS-01 ngày 17/4/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/4/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 13143452.

6.4. Sàn Epoxy và PU dày 3mm (diện tích 2.580m²); Hệ thống thiết bị chiếu sáng cho 6.000m² kho và 15.000m² khuôn viên nhà máy; Vật tư và thiết bị sửa chữa và thi công cho nhà xưởng 6.000m² (chống nóng mái tole, thay tole hỏng, hệ thống mái cách nhiệt, xử lý hóa chất và hoàn thiện mặt nền kho, hệ thống làm mát nhà xưởng); Vật tư và thiết bị sửa chữa và thi công cải tạo cảnh quan khuôn viên nhà máy (sơn dầu cho hệ thống mái tole, sơn nước trong và ngoài cho hệ vách tường); Vật tư và thiết bị sửa chữa và thi công: Xây mới phòng trưng bày sản phẩm, nội thất phòng trưng bày, tiểu cảnh sân vườn; Vật tư và thiết bị sửa chữa và thi công: Làm nền, trần, vách ngăn phòng vi sinh. Xây mới phòng y tế và trang thiết bị nội thất; Hệ điện động lực và hệ điện chiếu sáng cho nhà xưởng D; Hệ thống thông gió và điều hòa không khí cho nhà xưởng Coffee 1080; Panel EPS cho khu vực phòng sạch; Vật tư và thiết bị xử lý nền đường và thảm bê tông nhựa nóng, công trình: nâng cấp sân, đường Công ty D; Nội thất và thiết bị phòng thí nghiệm; Hệ thống phòng cháy chữa cháy bằng nước cho nhà kho; Hệ thống buồng thổi khí và tủ đưa hàng phòng sạch; Hệ thống thiết bị camera quan sát; Hệ thống bồn Inox SUS 304, thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Hợp đồng kinh tế số: HĐ01-03/VD17 ngày 10/3/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐ02-04/VD17 ngày 12/4/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐ03-03/VD17 ngày 18/3/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐ06-03/VD17 ngày 22/3/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐ06-04/VD17 ngày 19/4/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐ01-04/VD17 ngày 05/4/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐKT0906/SV-HC17 ngày 09/6/2017; Hợp đồng kinh tế số: HĐ1012/SV-VD ngày 10/12/2016; Hợp đồng kinh tế số: HDTC.MABECO-HANCO ngày 22/12/2016; Hợp đồng kinh tế số: 1105/2017/HĐKT/LTP-DOLSURE ngày 11/5/2017; Hợp đồng kinh tế số: 31032018/DD-DFB ngày 03/7/2017; Hợp đồng kinh tế số: 16/023HV/DFB ngày 22/11/2016; Hợp đồng kinh tế số: 16/023HV/DFB-2 ngày 20/12/2016; Hợp đồng mua bán số: 15062017/HDMB/HP-DOLSURE ngày 15/6/2017; Hợp đồng thi công hệ thống camera số: 150617/HDKT ngày 24/6/2017; Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 170135/2017/HĐHH ngày 27/6/2017;

Thực hiện theo các Hợp đồng thể chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.342.140717 ngày 19/7/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/7/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 1255976243.
- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.342.140717/SĐBS-01 ngày 22/3/2018; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 2017466683.

6.5. Hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày đêm, thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Hợp đồng kinh tế số HĐ01-07/VD17 ngày 04/7/2017 và theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.76.210817 ngày 22/8/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/8/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 1259683966.

6.6. Xe ô tô con nhãn hiệu Mazda CX-5 2WD AT, năm sản xuất 2013, màu trắng A2W, 05 chỗ ngồi, số khung: KN2KE57 A6DC002476, số máy:

PE30564344, biển số 51A-672.19, thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 133832 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2013 theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số CUC.BĐDN. 04101013 ngày 21/10/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/10/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 1150526991; Phụ lục Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản ngày 11/11/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.04101013/SĐBS-01 ngày 17/4/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/4/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký 13143464.

6.7. Chứng thư bảo lãnh lập ngày 23/9/2015 và Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 05/8/2016 và ngày 28/4/2017 của bà Phạm Thị Kim O.

6.8. Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 05/8/2016, ngày 29/4/2016, ngày 28/4/2017 và ngày 30/6/2018 của Công ty H.

II. Ngân hàng AC và Công ty H đã ký Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.112.080116 ngày 12/01/2016: Số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền thuế sử dụng đất; Thời hạn cho vay: 60 tháng, từ ngày 13/01/2016 đến 13/01/2021; Lãi suất vay trong hạn: 9,5%/năm; Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 04 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức (Lãi suất vay = $LS_{13} + 4\%/năm + X$); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng AC đã giải ngân cho Công ty H theo phương thức chuyển số tiền vay 4.000.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán số 209729859 của Công ty H tại Ngân hàng AC – Chi nhánh Củ Chi theo Khế ước nhận nợ số 209777599 ngày 13/01/2016.

Do Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/10/2019, Ngân hàng AC ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của khế ước nhận nợ nêu trên.

Tính đến ngày 19/01/2021, Công ty H còn nợ Ngân hàng AC các khoản sau:

- Vốn gốc: 999.985.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 149.680.721 đồng;
- Lãi quá hạn: 69.437.847 đồng

Tổng cộng: **1.219.103.568** đồng.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ của Công ty H gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 46 bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (tài liệu năm 2001), địa chỉ: Ấp 5, tỉnh lộ 9, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 169/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 31/7/2009, cập nhật ngày 28/7/2016; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 601242, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT33516 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/4/2014, cập nhật ngày 28/7/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CUC.BĐDN.33.020816 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/08/2016, số công chứng 009908, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/08/2016, quyền số 52, số đăng ký 41-2016-010266, số thứ tự 010266.

2.2. Chứng thư bảo lãnh lập ngày 12/01/2016 của bà Phạm Thị Kim O.

2.3. Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 12/01/2016 của Công ty D.

Do Công ty D và Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về việc trả nợ gốc và nợ lãi, toàn bộ số nợ vay đã quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng AC khởi kiện yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty D phải trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/01/2021 là 91.699.751.773 đồng.

Công ty D tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, kể từ ngày 20/01/2021 đến ngày trả dứt nợ. Thứ tự trả nợ như sau: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

2. Buộc Công ty H phải trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/01/2021 là 1.219.103.568 đồng.

Công ty H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, kể từ ngày 20/01/2021 đến ngày trả hoàn tất nợ. Thứ tự trả nợ như sau: Vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

3. Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh lập ngày 23/9/2015, Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 05/8/2016 và ngày 28/4/2017; Công ty H có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 29/4/2016, ngày 05/8/2016, ngày 28/4/2017 và ngày 30/6/2018 đối với khoản nợ của Công ty D.

4. Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh lập ngày 12/01/2016; Công ty D có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 12/01/2016 đối với khoản nợ của Công ty H.

Trường hợp Công ty D; Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Trong thời gian thế chấp Công ty D đã cho Công ty Việt Nam và Công ty An Phú thuê nhà xưởng theo Hợp đồng thuê nhà xưởng làm may mặc số 002/2018/TQSDĐ ngày 18/01/2018 và Hợp đồng thuê nhà xưởng số 002-TX/2020/HĐ ngày 18/02/2020 mà không thông báo cho Ngân hàng AC biết.

Tuy nhiên, Ngân hàng AC không yêu cầu Tòa án xử lý đối với hai hợp đồng thuê này.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 10.000.000 (mười triệu) đồng, Ngân hàng AC yêu cầu phía Công ty D và Công ty H phải chịu.

Bị đơn Công ty D và Công ty H cùng trình bày:

Công ty D; Công ty H xác nhận đã ký các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng với Ngân hàng AC đúng như nguyên đơn trình bày. Tính đến hết ngày 19/01/2021, Công ty D xác nhận còn nợ Ngân hàng AC số tiền tổng cộng là: 91.699.751.773 đồng. Công ty H xác nhận còn nợ Ngân hàng AC số tiền tổng cộng là: 1.219.103.568 đồng.

Công ty D, Công ty H xác nhận có ký với Ngân hàng AC các hợp đồng thế chấp tài sản; các chứng thư bảo lãnh; giấy cam kết về việc trả nợ để đảm bảo cho các khoản nợ vay theo như tài liệu chứng cứ mà đại diện nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và trình bày tại phiên tòa.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Công ty D; Công ty H không thể trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng AC. Công ty D đã có Công văn số 15-10/2020/CV-DOLSURE ngày 03/12/2020 về việc phương án trả nợ, cam kết và đề nghị thanh toán nợ gốc 73.883.565.358 đồng cho Ngân hàng AC theo tiến độ như sau:

- Tháng 3/2021: Thanh toán 12.500.000.000 đồng;
- Tháng 4/2021: Thanh toán 12.500.000.000 đồng;
- Tháng 5/2021: Thanh toán 8.147.260.893 đồng;
- Tháng 6/2021: Thanh toán 8.147.260.893 đồng;
- Tháng 7/2021: Thanh toán 8.147.260.893 đồng;
- Tháng 8/2021: Thanh toán 8.147.260.893 đồng;
- Tháng 9/2021: Thanh toán 8.147.260.893 đồng;
- Tháng 10/2021: Thanh toán 8.147.260.893 đồng.

Đối với tiền lãi Công ty D đề nghị Ngân hàng AC xem xét với mức lãi suất chung là 5%. Đối với tiền lãi quá hạn Công ty D xin được miễn hoàn toàn để công ty ổn định sản xuất, kinh doanh.

Đối với khoản tiền vay của Công ty H thì Công ty H sẽ thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của Ngân hàng AC ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty D; Công ty H không thanh toán được theo phương án trả nợ, thì Ngân hàng AC được quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng AC buộc bà Phạm Thị Kim O và Công ty H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho Công ty D; buộc bà O và Công

ty D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho Công ty H là không đúng quy định về bảo lãnh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với hai hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty D với Công ty Việt Nam và Công ty An Phú thì Công ty D đã có Văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn gửi cho các công ty thuê vào ngày 07/7/2020 và chịu trách nhiệm pháp lý với hai công ty thuê nếu có phát sinh tranh chấp. Phía Ngân hàng AC; Công ty Việt Nam và Công ty An Phú cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Việt Nam trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng AC với Công ty D và Công ty H, Công ty Việt Nam không có ý kiến gì. Nguyên vọng của công ty là được tiếp tục được thuê theo hợp đồng thuê nhà xưởng đã ký kết với Công ty D, Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê với Công ty D thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

2. Công ty An Phú trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng AC với Công ty D và Công ty H, Công ty An Phú không có ý kiến gì. Nguyên vọng của công ty là được tiếp tục được thuê theo hợp đồng thuê nhà xưởng đã ký kết với Công ty D; Công ty không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê với Công ty D thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

3. Bà Phạm Thị Kim O trình bày:

Bà O có ký giấy cam kết đảm bảo trả nợ cho Công ty D; Công ty H như Ngân hàng AC đã trình bày. Căn cứ vào khoản nợ hiện tại của hai công ty, thì tài sản thế chấp được định giá cao hơn số tiền nợ nên đã đủ điều kiện trả nợ. Nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản cá nhân, bà O đề nghị Tòa án xem xét hủy bỏ người liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện V tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP AC.

1.1. Buộc Công ty D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng AC tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/01/2021) là 91.699.751.773 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, Công ty D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cấp tín dụng và các khế ước nhận nợ.

1.2. Buộc Công ty H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng AC tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/01/2021) là 1.219.103.568 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, Công ty H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.112.080116 ngày 12/01/2016 và Khế ước nhận nợ số 209777599 ngày 13/01/2016.

2. Trường hợp Công ty D; Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng AC có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 46 bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (tài liệu năm 2001), địa chỉ: Ấp 5, tỉnh lộ 9, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 169/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/7/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 601242, số vào sổ cấp GCN: CT33516 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/4/2014; Giấy phép xây dựng số 1384/GPXD do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 13/6/2016;

2.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 551, tờ bản đồ số 18, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00006/1a QSDĐ/659/TNMT do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2004; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 238/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2009;

2.3. Các động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.182.181016 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.182.181016/SĐBS-01 ngày 17/4/2017; Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.342.140717 ngày 19/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.342.140717/SĐBS-01 ngày 22/3/2018; Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.76.210817 ngày 22/8/2017.

2.4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Mazda CX-5 2WD AT; màu trắng A2W; số khung: KN2KE57A6DC002476, số máy: PE30564344, biển số 51A-672.19 thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 133832 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2013;

2.5. Trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Phạm Thị Kim O; Công ty H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh theo Chứng thư bảo lãnh lập ngày 23/9/2015 và Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 05/8/2016 và ngày 28/4/2017 của bà Phạm Thị Kim O; Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 29/4/2016, 05/8/2016, 28/4/2017 và ngày 30/6/2018 của Công ty H.

2.6. Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Phạm Thị Kim O; Công ty D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh theo Chứng thư bảo lãnh do bà Phạm Thị Kim O lập ngày 12/01/2016; Giấy cam kết về việc trả nợ do Công ty D lập vào ngày 12/01/2016.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng AC về việc buộc bà Phạm Thị Kim O; Công ty H chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Công ty D theo Chứng thư bảo lãnh ngày 23/9/2015, Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 05/8/2016 và ngày 28/4/2017 của bà O; Giấy cam kết về việc trả nợ các ngày 29/4/2016, 05/8/2016, 28/4/2017 và 30/6/2018 của Công ty H.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng AC về việc buộc bà O; Công ty D có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Công ty H theo Chứng thư bảo lãnh lập ngày 12/01/2016 của bà O; Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 12/01/2016 của Công ty D.

4. Về chi tố tụng khác: Buộc Công ty D và Công ty H phải trả lại cho Ngân hàng AC số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 10.000.000 (mười triệu) đồng, (mỗi công ty phải trả là 5.000.000 (năm triệu) đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/02/2021 Công ty D và Công ty H nộp Đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm; Lý do: Bản án sơ thẩm chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, cho bị đơn trả dần số nợ gốc chia đều số tiền trả trong thời hạn 10 tháng, sau khi bị đơn trả hết số nợ gốc sẽ thực hiện trả lãi suất với mức lãi suất chung là 5% trên số nợ gốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Kim O trình bày: Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của các bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ phần lãi phạt và giảm một phần lãi suất trong hạn để các bị đơn có cơ hội trả nợ. Mức lãi suất mà Ngân hàng AC áp dụng là cao hơn so với một số Ngân hàng khác cùng thời điểm vay và cao hơn mức lãi suất theo quy định trong hoạt động tín dụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự được ghi nhận trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân huyện V, thụ lý giải quyết *tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*, giữa nguyên đơn với các bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án vì bản án sơ thẩm chưa phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị đơn trình bày bản án sơ thẩm chưa phù hợp với quy định của pháp luật nhưng đơn kháng cáo các bị đơn không trình bày được cụ thể bản án sơ thẩm chưa phù hợp với quy định nào của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của các bị đơn và bà Phạm Thị Kim O với tư cách là người đại diện theo pháp luật của các bị đơn trình bày: Mức lãi suất mà Ngân hàng AC áp dụng là cao hơn so với một số Ngân hàng khác cùng thời điểm vay và cao hơn mức lãi suất quy định đối với hoạt động tín dụng. Yêu cầu nguyên đơn cho bị đơn được trả dần số nợ gốc chia đều số tiền trả trong thời hạn 10 tháng, miễn toàn bộ phần lãi phạt và giảm một phần lãi trong hạn để các bị đơn có cơ hội trả nợ. Tuy nhiên, đề nghị của bị đơn không được phía nguyên đơn Ngân hàng AC đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết về thẩm quyền, hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bên vay là các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng; về đường lối giải quyết vụ án là đúng với các quy định của pháp luật, phù hợp với thỏa thuận của đương sự trong các hợp đồng đã ký kết, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm; người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn: Công ty D; Công ty H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP AC.

1.1. Buộc Công ty D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP AC tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/01/2021) là **91.699.751.773** (*chín mươi một tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi ba*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, Công ty D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cấp tín dụng và các khế ước nhận nợ.

1.2. Buộc Công ty H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP AC tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/01/2021) là **1.219.103.568** (*một tỷ hai trăm mười chín triệu một trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, Công ty H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số CUC.DN.112.080116 ngày 12/01/2016 và Khế ước nhận nợ số 209777599 ngày 13/01/2016.

2. Trường hợp Công ty D; Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP AC có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 46 bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (tài liệu năm 2001), địa chỉ: Ấp 5, tỉnh lộ 9, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 169/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/7/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 601242, số vào sổ cấp GCN: CT33516 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/4/2014; Giấy phép xây dựng số 1384/GPXD do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 13/6/2016.

2.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 551, tờ bản đồ số 18, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00006/1a QSDĐ/659/TNMT do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/10/2004; Giấy chứng nhận quyền

sở hữu công trình xây dựng số 238/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2009;

2.3. Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty D, theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.182.181016 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.182.181016/SĐBS-01 ngày 17/4/2017; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/4/2017; Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.342.140717 ngày 19/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CUC.BĐDN.342.140717/SĐBS-01 ngày 22/3/2018; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/3/2018; Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số CUC.BĐDN.76.210817 ngày 22/8/2017;

2.4. Xe ô tô con, nhãn hiệu Mazda CX-5 2WD AT, màu trắng A2W, số khung: KN2KE57 A6DC002476, số máy: PE30564344, biên số 51A-672.19, thuộc quyền sở hữu của Công ty D theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 133832 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2013;

2.5. Trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Phạm Thị Kim O; Công ty H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh tại:

- Chứng thư bảo lãnh lập ngày 23/9/2015 và Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 05/8/2016 và ngày 28/4/2017 của bà Phạm Thị Kim O.

- Giấy cam kết về việc trả nợ lập vào các ngày 29/4/2016; 05/8/2016, 28/4/2017 và 30/6/2018 của Công ty H.

2.6. Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Phạm Thị Kim O; Công ty D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh tại:

- Chứng thư bảo lãnh lập ngày 12/01/2016 của bà Phạm Thị Kim O.

- Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 12/01/2016 của Công ty D.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Á Châu về việc buộc bà Phạm Thị Kim Oanh; Công ty TNHH Thực phẩm, Sữa và Nước giải khát Hanco chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Dolsure theo Chứng thư bảo lãnh ngày 23/9/2015, Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 05/8/2016 và ngày 28/4/2017 của bà Phạm Thị Kim Oanh; Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 29/4/2016, 05/8/2016, 28/4/2017 và 30/6/2018 của Công ty TNHH Thực phẩm, Sữa và Nước giải khát Hanco.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP AC về việc buộc bà Phạm Thị Kim O; Công ty D có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Công ty H theo Chứng thư bảo lãnh lập ngày 12/01/2016 của bà Phạm Thị Kim O; Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 12/01/2016 của Công ty D.

4. Về chi tổ tụng khác: Buộc Công ty D và TNHH Thực phẩm, Sữa và Công ty H phải trả lại cho Ngân hàng TMCP AC số tiền tạm ứng chi phí xem

xét, thẩm định tại chỗ là **10.000.000** (mười triệu) đồng (mỗi công ty phải trả là **5.000.000** (năm triệu) đồng).

5. Án phí sơ thẩm:

5.1. Công ty D phải chịu án phí sơ thẩm là **199.699.752** (một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng.

5.2. Công ty H phải chịu án phí sơ thẩm là **48.573.107** (bốn mươi tám triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn một trăm lẻ bảy) đồng.

5.3. Ngân hàng TMCP AC phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là **300.000** (ba trăm nghìn) đồng cho yêu cầu buộc bà Phạm Thị Kim O; Công ty H chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Công ty D.

5.4. Ngân hàng TMCP AC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là **300.000** (ba trăm nghìn) đồng cho yêu cầu buộc bà Phạm Thị Kim O; Công ty H chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Công ty H.

5.5. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp **92.420.948** (chín mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm bốn mươi tám) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0013815 và **21.169.000** (hai mươi một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0013816 cùng ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí phúc thẩm:

- Công ty D phải chịu **2.000.000** (Hai triệu) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng, theo Biên lai thu số AA/2019/0085596 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty H phải chịu **2.000.000** (Hai triệu) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng, theo Biên lai thu số AA/2019/0085597 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Công Toại